TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH KHÁNH HÒA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập Tự do – Hạnh Phúc

Bản án số: 23/2024/HNGĐ-ST
Ngày 12/4/2024
Về " Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm Phán - Chủ tọa phiên tòa*:* Bà Nguyễn Thị Thu Hằng
Các Hội thẩm nhân dân*:*
1/ Ông Thái cao Bình
2/ Bà Nguyễn Thị Bội Hoàn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hoa Kim Cúc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Khánh Hòa.

- A diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Ông Trần Xuân Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 250/2023/TLST- HNGĐ ngày 10 tháng 11 năm 2023 về việc "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 26/3/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị T, sinh năm 1994

Địa chỉ: Thôn H, xã Đ, huyện C, tỉnh Khánh Hòa-Vắng mặt (Đơn xin xét xử vắng mặt ngày 29/02/2024).

- Bị đơn: Ông Nguyễn Quang A, sinh năm 1993

Địa chỉ: Thôn 2, xã T, huyện C, Khánh Hòa-Vắng mặt (Đơn xin xét xử vắng mặt ngày 03/01/2024).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 24/10/2023, Bản tự khai ngày 23/11/2023, nguyên đơn bà Lê Thị T trình bày: Bà Lê Thị T và ông Nguyễn Quang A kết hôn năm 2017, Giấy chứng nhận kết hôn số 007/2017 do UBND phường 16, Quận V, thành phố Hồ

Chí Minh cấp ngày 16/01/2017. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn; nguyên nhân do ông A không quan tâm đến gia đình, thường xuyên đánh đập bà T. Vì con, bà T cố gắng chịu đựng, nhưng ông A không thay đổi, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc. Hiện nay vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng, không thể hàn gắn nên bà T yêu cầu Tòa an giải quyết cho bà được ly hôn ông A.

Bà Lê Thị T và ông Nguyễn Quang A có một con chung là cháu Nguyễn Bảo L, sinh năm 2017 hiện đang ở cùng bà T. Bà T yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu ông A cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: không có.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 03/01/2024, bị đơn ông Nguyễn Quang A trình bày: Ông A và bà T tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND phường 16, quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh. Ông bà chung sống với nhau từ năm 2015, đến ngày 16/01/2017 đăng ký kết hôn. Ông bà không có mâu thuẫn gì, bà T yêu cầu ly hôn ông không đồng ý.

Ông A và bà T có một con chung là cháu Nguyễn Bảo L, sinh ngày 28/6/2017 khỏe mạnh, không có nhược điểm về thể chất và tinh thần, hiện đang sinh sống cùng bà T. Trường hợp vợ chồng ly hôn thì ông A yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Long, không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con.

Ông A và bà T không có tài sản chung, nợ chung.

* Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn đã nộp Tòa án: Đơn khởi kiện; bản chính giấy chứng nhận kết hôn; bản sao giấy khai sinh con chung; bản sao căn cước công dân nguyên đơn; bản sao căn cước công dân bị đơn; Bản tự khai; Đơn trình bày địa chỉ bị đơn.

* Các tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập: Phiếu yêu cầu xác minh; Biên bản xác minh; Biên bản lấy lời khai bị đơn.

** Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Khánh Hòa tại phiên tòa:*

Về tố tụng: Việc thụ lý vụ án cũng như quá trình giải quyết vụ án, xét xử tại phiên tòa, Tòa án, đương sự đã thực hiện đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật Hôn nhân và gia đình. Nguyên đơn, bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn. Về nội dung: Mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình

năm 2014, chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, Bà T được ly hôn ông A; giao bà T nuôi dưỡng con chung, ông A không phải cấp dưỡng nuôi con; bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến của A diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C về quan điểm giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đây là vụ án dân sự về "ly hôn" giữa nguyên đơn bà Lê Thị T, địa chỉ: thôn H, xã Đ, huyện C, tỉnh Khánh Hòa và bị đơn ông Nguyễn Quang A, địa chỉ: thôn 2, xã T, huyện C, Khánh Hòa nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Khánh Hòa theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Tòa án, các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật hôn nhân và gia đình.

Nguyên đơn, bị đơn có đơn xin xét đương sự xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Về hôn nhân: Bà Lê Thị T và ông Nguyễn Quang A tự nguyện chung sống với nhau năm 2015, đến năm 2017 đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường 16, Quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 007/2017 ngày 16/01/2017 nên là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng xãy ra mâu thuẫn nên bà T và ông A đã không sống chung với nhau nữa. Ông A và bà T đều yêu cầu Tòa án không tiến hành hòa giải, xin vắng mặt tại phiên tòa. Bà T và ông A đều không có thiện chí giải quyết mâu thuẫn vợ chồng để đoàn tụ tiếp tục chung sống. Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa bà T và ông A đã trầm trọng, đời sống chung không thể tiếp tục, mục đích hôn nhân không đạt được, bà T yêu cầu ly hôn ông A phù hợp quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Bà Lê Thị T và ông Nguyễn Quang A có một con chung là cháu Nguyễn Bảo L, sinh ngày 28/6/2017 khỏe mạnh, bình thường không có nhược điểm về thể chất và tinh thần. Hiện nay bà T đang trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Ông A và bà T đều yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy: Hiện nay bà T đang trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Bảo L. Nhằm ổn định cuộc sống và đảm bảo cháu Long được chăm sóc, nuôi dưỡng tốt

nhất về mọi mặt, căn cứ Điều 81, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà T, giao bà T trực tiếp nuôi dưỡng con chung; ông A không phải cấp dưỡng cho con.

Theo quy định tại Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; vì lợi ích của con, khi cần thiết các bên có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng cho con. Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con; không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

[5] Các đương sự trình bày không có tài sản chung, nợ chung; không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[6] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; bà Lê Thị T phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về "ly hôn".

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51; Điều 56 ; Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của bà Lê Thị T.

1. Về hôn nhân: Bà Lê Thị T được ly hôn ông Nguyễn Quang A.

2. Về con chung:

Giao bà Lê Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Nguyễn Bảo L, sinh ngày 28/6/2017. Ông Nguyễn Quang A không phải cấp dưỡng cho con.

Vì lợi ích của con, khi cần thiết các bên có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng cho con. Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con; không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

3.Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xét.

4.Về án phí: Bà Lê Thị T phải nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về "ly hôn" nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2022/0002451 ngày 10/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C. Bà Lê Thị T đã nộp đủ án phí án phí dân sự sơ thẩm.

Quy định: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án sơ thẩm hoặc Tòa án niêm yết bản án sơ thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Khánh Hoà;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND phường 16, Quận V, tp HCM;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thu Hằng